TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
Dong Thap University Journal of Science
Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn
ISSN 0866-7675 | e-ISSN 2815-567X

DOI: https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2434.1824

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO HỌC SINH LỚP 10 TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN DU THÀNH PHỐ SAĐÉC THÔNG QUA KỸ NĂNG, KỸ THUẬT THỰC HÀNH MÔN TIN HỌC

Nguyễn Anh Duy[1], Mai Quốc Việt[1] và Nguyễn Thị Như Quyên[2]

[1]*Sinh viên, Khoa Sư phạm Toán-Tin, Trường Sư phạm Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

[2] *Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ, Email: duynguyentx16@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 29/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 08/8/2025; Ngày duyệt đăng: 13/8/2025

Tóm tắt

Năng lực tự học không chỉ là khả năng tiếp thu kiến thức một cách chủ động mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành tư duy độc lập và khả năng giải quyết vấn đề của học sinh, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục hiện đại. Bài viết này là kết quả nghiên cứu thực trạng năng lực tự học của học sinh lớp 10 và ý kiến của giáo viên tại trường Trung học Phổ thông Nguyễn Du về những kỹ năng thực hành, kỹ thuật thực hành môn Tin học. Nhóm nghiên cứu thực hiện khảo sát bằng bảng hỏi, phân tích dữ liệu để đưa ra những đánh giá cụ thể về năng lực tự học của học sinh lớp 10 thông qua các kỹ năng, kỹ thuật thực hành môn Tin học. Từ đó, đánh giá được mức độ học sinh có năng lực tự học và sự ảnh hưởng của các kỹ thuật, kỹ năng thực hành trong môn Tin học đến năng lực tự học của học sinh. Kết quả cho thấy năng lực tự học được cải thiện thông qua việc áp dụng các kỹ năng, kỹ thuật thực hành môn Tin học, đó là yếu tố quan trọng để cải thiện hiệu quả học tập cho học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong nhà trường.

Từ khóa: *học sinh, kỹ năng thực hành, kỹ thuật thực hành, môn tin học, năng lực tự học.*

Trích dẫn: Nguyễn, A. D., Mai, Q. V., & Nguyễn, T. N. Q. (2025). Phát triển năng lực tự học cho học sinh lớp 10 trường trung học phổ thông Nguyễn Du thành phố Sađéc thông qua kỹ năng, kỹ thuật thực hành môn Tin học. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, 15*(6), 79-93. https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2434.1824

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

DEVELOPING SELF-LEARNING ABILITY FOR 10TH GRADE STUDENTS AT NGUYEN DU HIGH SCHOOL, SA DEC CITY THROUGH PRACTICAL SKILLS AND TECHNIQUES IN INFORMATICS

Nguyen Anh Duy[1], Mai Quoc Viet[1], and Nguyen Thi Nhu Quyen[2]

[1]Student, Faculty of Mathematics - Computer Science Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

[2]Le Vu Hung Learning Resource Center, Dong Thap University, Vietnam

**Corresponding author, Email: duynguyentx16@gmail.com*

Article history

Received: 29/8/2025; Received in revised form: 08/8/2025; Accepted: 13/8/2025

Abstract

Self-learning ability not only helps actively acquire knowledge but also plays a crucial role in forming independent thinking and problem-solving skills in students, especially in the context of modern education. This article presents the research findings on the current state of self-learning ability among 10th-grade students and the opinions of teachers at Nguyen Du High School regarding practical skills and applied techniques in Informatics. The study employed a quantitative research design using questionnaires and analyzed the collected data to provide specific assessments of students' self-learning ability through practical skills and applied techniques in Informatics. The study evaluated students' self-learning ability and analyzed the impact of practical skills and applied techniques in Informatics on this competency. The results indicate that incorporating practical skills and applied techniques in Informatics can significantly enhance students' self-learning ability, leading to improved learning outcomes and contributing to the overall education quality.

Keywords: *Informatics, practical skills, practical techniques, pupil, self-study capacity.*

1. Mở đầu

Chương trình giáo dục phổ thông mới (2018) đã và đang cải thiện, đổi mới từng bước trong các hoạt động dạy - học ở hầu hết các cấp học hiện nay. Trong đó, Tin học là môn học được nhiều giáo viên (GV), học sinh (HS), phụ huynh và xã hội quan tâm đến cách học, cách dạy, cách kiểm tra đánh giá… cùng với các kỹ năng thiết yếu mà HS cần được tiếp cận sớm như: *kỹ năng thực hành (*KNTH), *kỹ thuật thực hành (*KTTH), đáp ứng yêu cầu của môn học. KNTH và KTTH là những yếu tố quan trọng giúp cho HS hình thành thói quen tự học và phát triển *năng lực tự học (*NLTH) hiệu quả không chỉ riêng ở môn Tin học. Đặc thù của môn Tin học là có sự kết hợp giữa lý thuyết với thực hành, mảng kiến thức liên môn là điều kiện căn bản giúp cho HS phát huy năng lực tư duy logic, NLTH, sáng tạo và vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn. Chương trình Tin học cấp trung học phổ thông (THPT) theo hướng tiếp cận năng lực nhấn mạnh việc phát triển các nhóm năng lực chung và năng lực đặc thù cho HS, thông qua việc tổ chức dạy học dựa trên dự án, sử dụng phần mềm ứng dụng, triển khai nhiệm vụ học tập thực tiễn (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Tuy nhiên, hiện nay HS lớp 10 Trường THPT Nguyễn Du còn gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng hiệu quả các kỹ năng và KTTH môn Tin học, từ đó ảnh hưởng đến kết quả học tập cũng như khả năng phát triển NLTH. Xuất phát từ thực trạng đó, nghiên cứu này được thực hiện với mục đích khảo sát, phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp sư phạm nhằm phát triển NLTH cho HS lớp 10 thông qua KNTH và KTTH môn Tin học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong nhà trường nói riêng.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

Phát triển là quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ chưa tốt đến hoàn hảo về mọi mặt. Quá trình vận động đó diễn ra vừa dần dần, vừa nhảy vọt để đưa tới sự ra đời của cái mới thay thế cái cũ. Sự phát triển là kết quả của quá trình thay đổi dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất, quá trình diễn ra theo đường xoắn ốc và hết mỗi chu kỳ sự vật lặp lại dường như sự vật ban đầu nhưng ở mức cao hơn (Long & Vui, 2010); (Thu, 2008).

Năng lực được hiểu là khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó, phẩm chất tâm sinh lí và trình độ chuyên môn tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao (Phê, 2020).

Tự học "tự học là một bộ phận không thể tách rời của quá trình giáo dục, là quá trình mà người học tự mình hoạt động lĩnh hội tri thức khoa học và rèn luyện KNTH mà không có sự hướng dẫn trực tiếp của GV và sự quản lý trực tiếp của cơ sở giáo dục và đào tạo. Đây là phương thức học tập cơ bản của giáo dục không chính quy, giáo dục thường xuyên, đồng thời còn là bộ phận không thể tách rời của quá trình học tập có hệ thống trong các trường học nhằm đào sâu, mở rộng để nắm vững kiến thức của HS" (Hiền, 2001).

Theo tác giả Trịnh Quốc Lập, NLTH được hiểu là khả năng tự mình tìm kiếm, thu thập thông tin, xử lí thông tin và vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và trong cuộc sống, mang đến sự phát triển cho bản thân người học (Lập, 2008). Theo Dignath và Sprenger, việc phát triển NLTH cho HS có tác động tích cực đến khả năng học tập độc lập, duy trì động lực và năng lực tự điều chỉnh quá trình học (Dignath và Sprenger, 2020). Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, Brenner nhấn mạnh rằng thực hành thúc đẩy NLTH có vai trò thiết yếu trong việc phát triển tư duy siêu nhận thức, duy trì động lực học tập và hình thành các chiến lược hành động hiệu quả – những yếu tố cốt lõi giúp HS chủ động, độc lập và thích ứng linh hoạt trong quá trình học tập (Brenner, 2022).

Tự học là quá trình người học tự mình sử dụng năng lực trí tuệ và phẩm chất cá nhân như: tư duy, ý chí, động cơ, tình cảm để chiếm lĩnh tri thức và biến chúng thành sở hữu của cá nhân. Tự học là hình thức học tập đòi hỏi tính tự giác cao, là thành tố thiết yếu trong việc hình thành năng lực học tập suốt đời cho HS. NLTH đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy sự phát triển toàn diện của người học, giúp người học tự điều chỉnh kế hoạch và thích ứng với môi trường học tập không ngừng biến đổi.

KNTH là khả năng áp dụng các tri thức đã học vào thực tế một cách thuần thục, nhuần nhuyễn và đạt kết quả, KNTH bao gồm quá trình HS phân tích thông tin, đánh giá và điều chỉnh để tìm ra giải pháp tối ưu cho mỗi vấn đề cụ thể. Kỹ năng này mang tính cá nhân hóa cao, phản ánh phong cách và tư duy riêng của mỗi người học.

Khác với KNTH, KTTH tập trung vào việc mà người học áp dụng đúng các quy trình, phương pháp và công cụ đã được chuẩn hóa vào thực tiễn. KTTH đòi hỏi các bước thực hành của người học phải đạt tới sự chính xác, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định kỹ thuật để đảm bảo hiệu quả và an toàn, thường được ứng dụng trong các lĩnh vực chuyên môn cao: kỹ thuật, y tế, sản xuất... nội dung bảng 1 minh họa ý cho này.

Bảng 1. Những khác biệt giữa kỹ năng thực hành và kỹ thuật thực hành

Các yếu tố	Kỹ năng thực hành	Kỹ thuật thực hành
Khái niệm	Khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức đã học vào các tình huống thực tế	Áp dụng phương pháp, quy trình và kỹ năng cụ thể vào công việc chuẩn xác nhằm đạt được kết quả mong muốn
Tính sáng tạo	Đòi hỏi sự sáng tạo và khả năng thích ứng nhanh	Ít yêu cầu sáng tạo, tập trung vào thao tác chính xác và quy trình chuẩn
Tính cá nhân hóa	Chuẩn mực, mang tính sáng tạo và dấu ấn cá nhân	Chú trọng vào việc tuân thủ quy trình hơn là sự khác biệt cá nhân
Lĩnh vực áp dụng	Mọi lĩnh vực, nhấn mạnh vào khả năng thích ứng, linh hoạt	Trong các lĩnh vực có chuyên môn cao: kỹ thuật, y tế, giáo dục, hoặc sản xuất
Mục tiêu	Giải quyết vấn đề hiệu quả trong từng tình huống cụ thể	Đảm bảo thực hiện công việc đúng quy trình, đạt hiệu suất và an toàn
Yêu cầu	Kết hợp giữa kiến thức, kinh nghiệm, khả năng tư duy, sáng tạo	Tuân thủ quy trình đã được chuẩn hóa đã được thiết lập, thực hành chính xác

Tóm lại, KNTH là khả năng đưa kiến thức lý thuyết vào ứng dụng thực tiễn, giúp người học giải quyết các tình huống cụ thể cách linh hoạt và sáng tạo. KTTH tập trung vào việc thực hiện chính xác các thao tác theo quy trình chuẩn đã thiết lập, đảm bảo hiệu quả và an toàn trong lao động, học tập nói chung của HS. Sự kết hợp giữa KNTH và KTTH giúp HS rèn luyện khả năng áp dụng kiến thức vào thực tế, phát triển tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng nhanh.

2.2. Lịch sử và những đóng góp của nghiên cứu

Tác phẩm "Tự học là như thế nào và làm thế nào bồi dưỡng việc tự học" của tác giả Dimitrios Thanasoulas đã nhấn mạnh: tự học là sự kết hợp của sự độc lập và tự chủ của người học, đây là một khía cạnh quan trọng nhất trong quá trình giảng dạy. Người học cần học một cách độc lập và chịu trách nhiệm đối với việc học của mình, trong khi vẫn không phủ nhận vai trò của GV trong hướng dẫn tự học cho HS. Ông phân tích rất kĩ về các khía cạnh của tự học với mỗi cá nhân và đưa ra những chiến lược biện pháp khuyến khích, thúc đẩy HS tự học. Dựa trên những nghiên cứu về năng lực học tập và NLTH trên toàn cầu, chúng ta nhận thấy rằng tự học là yếu tố quyết định đối với sự phát triển học tập suốt đời của mỗi cá nhân trong xã hội

hiện đại. Đầu tư vào việc bồi dưỡng NLTH cho HS là rất cần thiết, có tác động trực tiếp đến quá trình học tập của người học. Trong thời đại hiện nay chúng ta thấy được tầm quan trọng và ảnh hưởng sâu rộng của việc áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình giáo dục việc vận dụng KNTH để giúp HS tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả mà còn khuyến khích họ phát triển tư duy logic, khả năng giải quyết vấn đề và sự tự tin trong học tập. Bằng cách này không chỉ rèn luyện NLTH cho HS mà còn trang bị những kỹ năng quan trọng để HS tự chủ trong học tập (Thanasoulas, 2000).

Nghiên cứu "Connecting research and practice: Teacher inquiry and design-Based research" của McKenney và cộng sự đã đề cao tầm quan trọng ý chí, kỹ năng và cơ sở hạ tầng. Ý chí gồm yếu tố tình cảm, sự tự tin, sẵn sàng cùng với thái độ và niềm tin - qua yếu tố này GV xem xét mối quan hệ giữa các hoạt động dạy học; kỹ năng thể hiện năng lực chuyên môn của GV…; cơ sở vật chất ảnh hưởng tới hiệu quả của yêu cầu thực hành… Nghiên cứu này đề cập đến việc thực hành của GV, chưa thể hiện các KNTH của HS (McKenney, 2018). Tiếp đến là nghiên cứu của nhóm tác giả Aman Yadav và cộng sự về Khoa học máy tính và tư duy tính toán trong chương trình giảng dạy: Nghiên cứu và thực hành. Nội dung nghiên cứu nhấn mạnh đến việc phát triển cơ sở thực nghiệm, các yếu tố ảnh hưởng đến HS học về Khoa học máy tính (Yadav & cs., 2018). Trong nghiên cứu của Sara Dexter đã chỉ ra rằng thực hành là việc mà người dạy thiết lập hướng dẫn sử dụng công nghệ thông tin cho người học nhằm xây dựng các mối quan hệ và phát triển con người với tầm nhìn và những mục tiêu đề ra. Việc học, thực hành của GV có ảnh hưởng nhiều đến sự tiếp cận học tập của HS cũng như hình thành nên sự hiểu biết của HS về nhu cầu của môn học cụ thể (Dexter, 2018).

Bên cạnh đó, các nghiên cứu gần đây của Dignath và Sprenger (2020) đã chứng minh rằng việc GV hiểu biết sâu về NLTH tác động trực tiếp đến cách họ thiết kế môi trường học tập, hướng dẫn chiến lược siêu nhận thức và tạo điều kiện để HS phát triển khả năng tự điều chỉnh trong quá trình học. Đây là yếu tố then chốt để xây dựng môi trường học tập tích cực và thúc đẩy NLTH hiệu quả trong bối cảnh giáo dục hiện đại (Dignath & Sprenger, 2020). Ngoài ra, nghiên cứu của Brenner (2022) cũng chỉ ra rằng thực hành thúc đẩy NLTH giúp HS phát triển tư duy siêu nhận thức, duy trì động lực học tập và hình thành các chiến lược học tập độc lập – những yếu tố cốt lõi trong quá trình tự học chủ động và hiệu quả. Đặc biệt, trong bối cảnh giáo dục tích hợp công nghệ, những kỹ năng này càng trở nên thiết yếu để HS thích ứng với sự thay đổi của môi trường học (Brenner, 2022). Tuy nhiên, qua đối chiếu các công trình trong và ngoài nước, có thể thấy rằng chưa có nhiều nghiên cứu tập trung vào việc phát triển NLTH được kết hợp giữa KNTH với KTTH trong môn Tin học ở bậc THPT - một lĩnh vực đòi hỏi khả năng vận dụng linh hoạt cả lý thuyết và thao tác thực hành trong môi trường số. Các nghiên cứu trước đây phần lớn tập trung ở bậc đại học, hoặc chỉ đề cập đến tự học ở mức độ khái quát, chưa khai thác chiều sâu về KNTH số và cách tổ chức hoạt động học tập tự chủ trong môn Tin học ở THPT. Vì vậy, kết quả đề tài của nhóm tác giả đóng góp vào việc lấp đầy chỗ trống nghiên cứu, nhằm tiệm cận đến hiệu quả, chất lượng dạy và học trong trường THPT, đặc biệt là phát triển NLTH cho HS lớp 10 thông qua KNTH, KTTH môn Tin học, đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.3. Phát triển giả thuyết

Cơ sở lý luận trình bày trong nghiên cứu đã đặt trọng tâm vào việc tìm hiểu mối quan hệ giữa KNTH, KTTH và NLTH của HS lớp 10 trong môn Tin học. Việc hình thành giả thuyết nghiên cứu giúp cho nhóm nghiên cứu xác định hướng khảo sát, thu thập và phân tích dữ liệu khoa học, từ đó đánh giá ảnh hưởng của yếu tố thực hành đến quá trình phát triển NLTH của HS. Kết quả khảo sát 226 HS lớp 10 và GV Tin học tại Trường THPT Nguyễn Du – thành phố Sa Đéc, mô hình nghiên cứu đã đề xuất, nhóm tác giả xây dựng giả thuyết nghiên cứu:

Giả thuyết H1: HS có KNTH môn Tin học cao sẽ có NLTH tốt hơn. *(Giả thuyết này phản ánh vai trò của việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn – như khảo sát cho thấy 70,0% HS đồng ý KNTH là kết hợp giữa lý thuyết và kinh nghiệm thực tế, giúp HS tự học hiệu quả hơn).*

Giả thuyết H2: KTTH chính xác, đúng quy trình là nền tảng để hình thành sự tự giác, kỷ luật và khả năng tự điều chỉnh trong học tập – những yếu tố cốt lõi của NLTH. *(Dữ liệu khảo sát cho thấy 77,1% HS cho rằng KTTH tạo điều kiện cho việc học chính xác, hiệu quả; 50,2% HS khẳng định KTTH giúp phát triển NLTH).*

Giả thuyết H3: Việc kết hợp KNTH và KTTH trong hoạt động học tập có tác động tích cực và ổn định hơn đến sự phát triển NLTH so với chỉ áp dụng KNTH riêng lẻ. *(Kết quả phân tích biểu đồ cho thấy khi chỉ có KNTH, mức phát triển NLTH của HS biến thiên không ổn định; trong khi kết hợp với KTTH thì NLTH được phát triển bền vững, toàn diện hơn đúng với quy luật/định nghĩa của sự phát triển – hình 6).*

Các giả thuyết trên được kiểm định thông qua phương pháp khảo sát bảng hỏi và phân tích dữ liệu định lượng. Kết quả kiểm định sẽ cung cấp căn cứ khoa học cho việc xây dựng các giải pháp sư phạm nhằm nâng cao NLTH cho HS lớp 10, đáp ứng mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong dạy học Tin học theo hướng phát triển năng lực.

2.4. Mô hình nghiên cứu

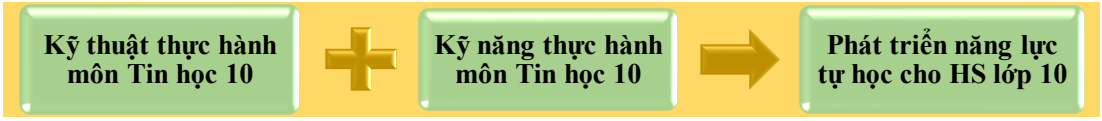

Hình 1. Mô hình nghiên cứu do nhóm thực hiện đề xuất

Sự chuẩn mực trong quá trình thực hành của HS là rất quan trọng, các kỹ năng trong hoạt động/mỗi giờ thực hành của môn học hình thành cho HS những đức tính: cẩn thận – để tránh sai sót, kiên nhẫn – thử sai, chịu khó – tư duy tìm cách làm cho bằng được những yêu cầu của bài tập… Sự tuân thủ các KTTH là cơ sở để HS sáng tạo trong mỗi KNTH. Hai yếu tố căn bản này là điều kiện cần và đủ để HS tự mình ý thức việc tự học, tự nghiên cứu, tự biết bản thân cần phát huy những gì… từ đó, giúp cho HS phát triển NLTH một cách tự nhiên, có ý chí và đạt đến hiệu quả như mong đợi.

2.5. Nội dung thực hành môn Tin học trong chương trình sách giáo khoa lớp 10

Trong quá trình nghiên cứu và lập kế hoạch thực hiện đề tài nhóm tác giả thống nhất chọn sách giáo khoa Tin học 10 – Kết nối tri thức với cuộc sống (Long, 2022). Chương trình và nội dung môn Tin học 10 có sáu chủ đề, bao gồm:

Chủ đề 1 - Máy tính và xã hội tri thức: HS hiểu được vai trò công nghệ trong đời sống.

Chủ đề 2 - Mạng máy tính và Internet: HS được làm quen với việc khai thác tài nguyên trên mạng Internet cho việc học tập, nghiên cứu.

Chủ đề 3 - Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số: HS được tìm hiểu những quy định pháp lý về bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ, áp dụng Luật Công nghệ Thông tin và an ninh mạng vào các tình huống cụ thể.

Chủ đề 4 - Ứng dụng tin học: HS được thực hành với phần mềm thiết kế đồ họa, HS tạo ra các sản phẩm số như: logo, áp phích, thiệp chúc mừng, rèn luyện kỹ năng thiết kế cơ bản và phát huy khả năng sáng tạo khi làm quen với các công cụ tin học.

Chủ đề 5 - Giải quyết vấn đề dưới sự trợ giúp của máy tính: HS được học ngôn ngữ lập trình, thiết kế được những giải thuật cơ bản, biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những bài toán cụ thể trong thực tiễn.

Chủ đề 6 - Hướng nghiệp với Tin học: HS hiểu được vai trò, giá trị của nghề nghiệp có liên quan đến môn Tin học, nhằm tạo dựng niềm tin, tạo động cơ tích cực để HS tự tin chọn nghề sau khi học xong chương trình THPT.

2.6. Tâm lý học sinh trong hoạt động học tập và yếu tố phát triển năng lực tự học

Sự phát triển tâm lý của HS cấp THPT hình thành qua các mâu thuẫn như: giữa khả năng cũ và nhu cầu mới phát sinh; giữa năng lực đang phát triển với các quan hệ cũ; giữa các hình thức cũ và mới; giữa hình thức và nội dung. Tâm lý HS cấp THPT trong hoạt động học tập là tổng hợp tất cả các hiện tượng từ cảm giác, nhận thức, tình cảm đến ý chí, biểu hiện qua hành vi và hoạt động của mỗi HS. Để học tốt môn Tin học HS cần: thành thục KNTH, KTTH, có khả năng ra quyết định, xác định được nội dung quan trọng trong bài học, thực hiện được yêu cầu bài tập sau khi xem GV hướng dẫn. HS có thể thực hiện theo trình tự: HS tiếp cận vấn đề, những yếu tố tác động để giải quyết vấn đề có hiệu quả; HS tư duy và tìm thông tin có liên quan, chấp nhận giải quyết vấn đề; HS tìm kiếm lời giải của vấn đề đã được chấp nhận, lý giải, chứng minh; HS tìm được kết quả cuối cùng và đánh giá toàn diện kết quả (Nghị, 2013).

Quá trình tích lũy kinh nghiệm và kỹ năng trong học tập giúp HS hoàn thiện về mặt tâm lý – yếu tố quan trọng góp phần vào phát triển NLTH, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc học nói chung. Để đạt được mục tiêu này, HS cần được hỗ trợ trong việc phát triển NLTH ứng dụng kiến thức thông qua KNTH và KTTH có sự hướng dẫn, định hướng từ GV. Dưới đây là các yếu tố quan trọng giúp phát triển NLTH cho HS cấp THPT, hình 2:

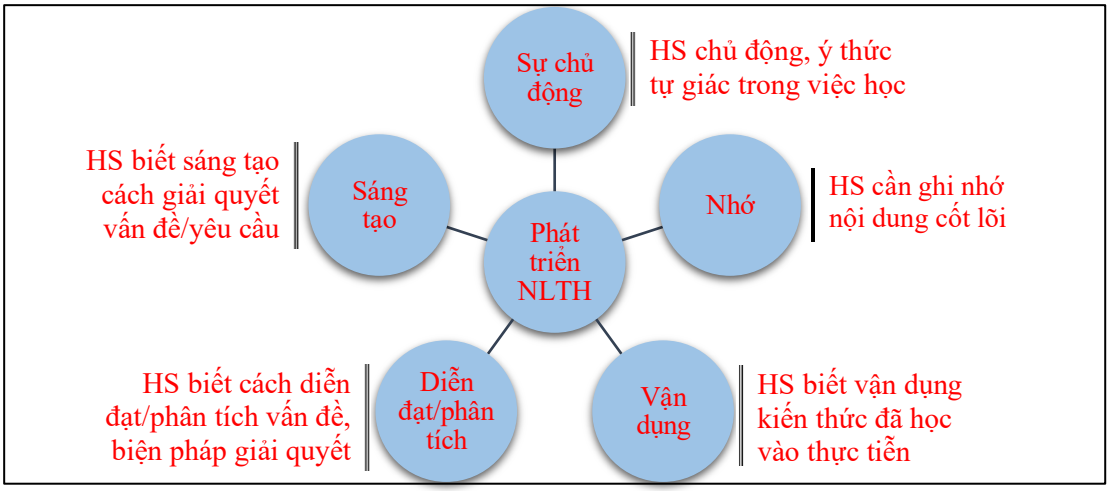

Hình 2. Các yếu tố phát triển NLTH cho HS cấp THPT (nhóm nghiên cứu đề xuất)

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Được sự chấp thuận của Ban giám Hiệu Trường THPT Nguyễn Du, thành phố Sa Đéc, cho phép nhóm thực hiện khảo sát 223 HS lớp 10 và 03 GV dạy Tin học trong học kỳ I năm học 2024–2025, là động cơ tích cực giúp cho nhóm hoàn thành nghiên cứu này. Việc khảo sát được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, ẩn danh và tuân thủ đạo đức nghiên cứu.

Bảng hỏi khảo sát gồm 20 câu trắc nghiệm dành cho HS, 10 câu trắc nghiệm dành cho GV; tập trung vào các nhóm nội dung: nhận thức về NLTH; vai trò và biểu hiện của KNTH và KTTH; công cụ hỗ trợ, khó khăn trong quá trình học; cùng với các đề xuất cải tiến từ HS, GV. Câu hỏi được thiết kế đa dạng, với lựa chọn một hoặc nhiều đáp án, sử dụng thang đo mức độ, tần suất. Trước khi triển khai, bảng hỏi được thẩm định nội dung và khảo sát thử để đảm bảo tính rõ ràng, phù hợp.

Dữ liệu thu thập được xử lý bằng Microsoft Excel, chủ yếu theo phương pháp thống kê mô tả (tần suất, phần trăm, biểu đồ hóa). Một số kết quả nổi bật cho thấy: 90,1% HS cho rằng NLTH là sự tự giác trong học tập; 70,0% HS xác định KNTH là sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành; 50,2% HS nhận định KTTH hỗ trợ phát triển NLTH; và 59,6% HS gặp khó khăn khi thực hành phần mềm.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp kết hợp:

- Lý thuyết: Tổng hợp, phân tích tài liệu liên quan đến NLTH, KNTH, KTTH và đổi mới dạy học Tin học theo hướng phát triển năng lực.
- Thực tiễn: Triển khai bảng hỏi khảo sát HS và GV; xử lý dữ liệu để đánh giá thực trạng và mối liên hệ giữa các yếu tố.

Mẫu khảo sát được chọn theo phương pháp thuận tiện, gồm toàn bộ HS lớp 10 tại trường. Dữ liệu từ GV được sử dụng để đối chiếu, bổ sung quan điểm chuyên môn. Do phạm vi nghiên cứu mang tính ứng dụng cấp trường, việc phân tích dừng lại ở thống kê mô tả; tuy nhiên, kết quả vẫn phản ánh rõ thực trạng và làm cơ sở đề xuất các giải pháp phù hợp.

4. Kết quả và thảo luận

Qua khảo sát thực tiễn, nhóm tác giả đã thu thập được nhiều thông tin trong hoạt động học tập của HS trường THPT Nguyễn Du, cụ thể như sau:

(1). Năng lực tự học qua lăng kính của HS

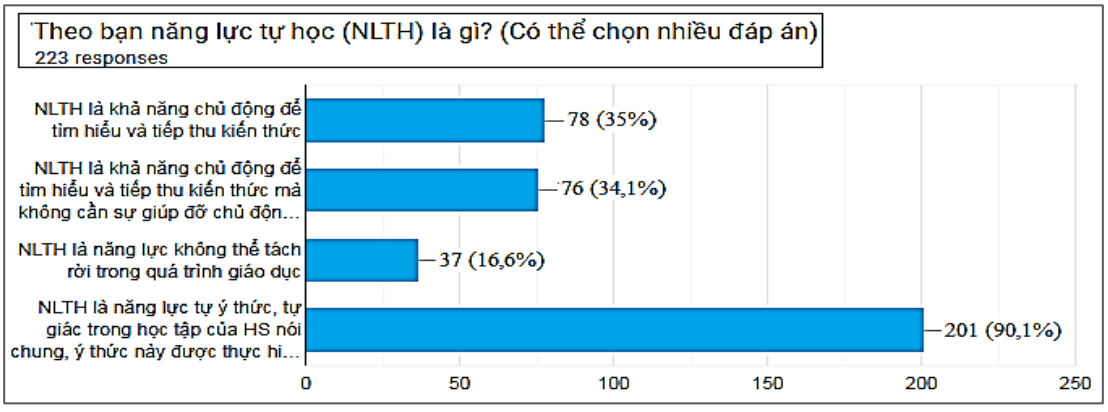

Hình 3. Nhận thức của học sinh lớp 10 về năng lực tự học

Thông tin ở hình 3 cho thấy 90,1% HS cho rằng NLTH là năng lực tự ý thức, tự giác trong học tập của HS nói chung, ý thức này được thực hiện một cách tự động, không cần nhắc nhở của ai khác. NLTH thể hiện qua khả năng chủ động của HS trong quá trình học tập. Nhận thức này cho thấy rằng HS hiểu, biết, có cố gắng, có kiên trì, có chủ động trong học tập, đây là dấu hiệu tốt để phát triển NLTH cho HS. Tuy nhiên, chỉ 11,7% HS cho rằng bản thân có thể tự học và hoàn thành bài tập một cách độc lập (bảng 2); 64,6% HS thiếu động lực học, gần

một nửa HS gặp khó khăn trong tổ chức thời gian (phụ lục). Điều này cho thấy sự chênh lệch giữa nhận thức và khả năng thực hành NLTH. Quan điểm của Dignath & Sprenger (2020) cho rằng NLTH gắn liền với khả năng tự giám sát, tự điều chỉnh và duy trì động lực học - là những yếu tố còn yếu ở phần lớn HS hiện tại.

(2). Sự hiểu biết của HS về KNTH, KTTH và mức độ quan trọng của hai kỹ năng này đối với môn Tin học.

Có đến 70,0% HS cho rằng KNTH không chỉ đơn thuần là áp dụng lý thuyết vào các tình huống thực tế, mà nó còn là quá trình sáng tạo và tinh chỉnh dựa trên hiểu biết, kinh nghiệm. KNTH được kết hợp cả kiến thức đã học và kinh nghiệm thực tế để thực hiện các tác vụ thành thạo, hiệu quả - nội dung này có 52,5% HS đồng ý. Tiếp đến là KTTH, đây là yếu tố quan trọng tác động, tạo điều kiện cho HS thực hiện thao tác chính xác, hiệu quả, và thành thạo, giúp HS làm quen với quy trình công việc thực tế, nâng cao KNTH - nội dung này được 77,1% HS đồng ý. Kế đến, KTTH là quá trình áp dụng các phương pháp, quy trình và kỹ năng cụ thể vào thực tế công việc để đạt được kết quả mong muốn - nội dung này đạt 58,7%. HS cho rằng KTTH và KNTH có vai trò rất quan trọng trong quá trình học tập cũng như hoạt động học tập môn Tin học nói riêng - nội dung này HS đồng thuận ý kiến chiếm 57,4% và KTTH giúp cho HS phát triển NLTH - nội dung này chiếm 50,2% ở hình 4 bên dưới.

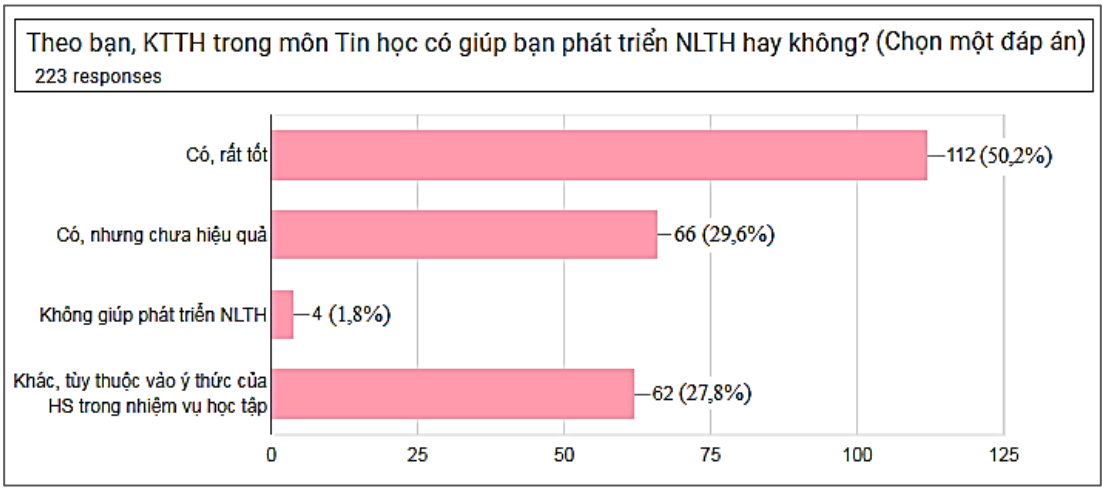

Hình 4. KTTH là yếu tố giúp phát triển NLTH

(*Trích thông tin thực hiện khảo sát trong phạm vi nghiên cứu: HS – phụ lục 1*)

Mặc dù HS hiểu rõ vai trò của KNTH và KTTH, tuy nhiên khảo sát GV cho thấy chỉ có 33,3% GV cho rằng HS có thể phân biệt rõ hai yếu tố này, và 66,7% GV cho rằng mức độ phân biệt chỉ dừng ở mức khá hoặc trung bình. Điều này phản ánh khoảng cách giữa nhận thức lý thuyết và khả năng áp dụng trong thực tiễn – một điểm cần lưu ý trong thiết kế hoạt động học tập (Phụ lục 1). Đối chiếu với nghiên cứu quốc tế: Theo Brenner (2022), việc kết hợp KNTH và khả năng tự điều chỉnh quá trình học là điều kiện then chốt giúp HS phát triển tư duy phản biện và NLTH một cách hiệu quả. Tương tự, Dexter (2018) cũng chỉ ra rằng việc tổ chức thực hành có định hướng sẽ giúp HS kết nối lý thuyết và kỹ thuật một cách sâu sắc, góp phần thúc đẩy NLTH phát triển tự nhiên hơn trong môi trường học tập số.

Từ 2 ý trên (1) và (2) cho thấy, HS có ý thức trong tự học, biết được yếu tố hỗ trợ và giúp phát triển NLTH trong hoạt động học tập nói chung. Tuy nhiên, khi vận dụng vào một môn học cụ thể là môn Tin học thì HS còn gặp những khó khăn nhất định.

(3). Những khó khăn của HS trong quá trình học môn Tin học như thông tin hình 5 sau:

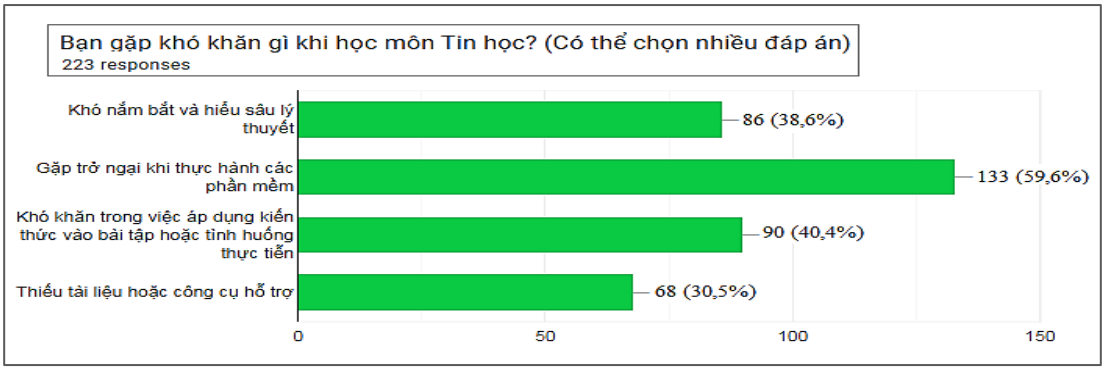

Hình 5. Khó khăn của học sinh trong môn Tin học

Thông tin hình 5 cho thấy: HS gặp khó khăn trong khi thực hành các phần mềm - chiếm 59,6%. Thực tiễn này cần được GV quan tâm nhiều đến HS trong quá trình dạy học, đặc biệt chú ý đến thực hành (có KNTH và KTTH). Môn Tin học có đặc thù riêng để HS hoàn thiện cả về lý thuyết và thực hành một cách tốt nhất. Mặt khác, HS cho rằng: "*Em thấy số tiết thực hành còn ít, nhiều khi chỉ vừa làm quen với phần mềm thì đã hết giờ*"; "*Các bài thực hành chủ yếu là làm lại đúng theo hướng dẫn trong sách giáo khoa, nên em thấy ít thử thách và không có gì mới mẻ*". Những phản hồi này cho thấy nội dung KTTH hiện nay còn mang tính rập khuôn, làm cho HS chưa phát huy được vai trò chủ động và khả năng tự học. Khi thực hành chỉ dừng ở mức thao tác lại theo mẫu, HS khó phát triển tư duy độc lập và kỹ năng xử lý tình huống thực tế. Ngoài ra, thời lượng thực hành hạn chế khiến HS không đủ thời gian làm quen phần mềm, lặp lại thao tác hoặc tự điều chỉnh lỗi – đây đều là những yếu tố quan trọng trong quá trình hình thành NLTH.

(4). HS với việc tự học và NLTH ở môn Tin học thể hiện các nội dung trong bảng 2 sau:

Bảng 2. Thông tin về tự học và NLTH của học sinh lớp 10

TT	Nội dung	Số phiếu	Tỉ lệ %
1	Thực hành môn Tin học 10 ở mức rất dễ dàng	12	5,4%
2	HS có thể tự học và hoàn thành bài tập một cách độc lập	26	11,7%
3	Phát triển NLTH với môn Tin học là rất quan trọng	68	30,5%
4	NLTH quan trọng trong quá trình học tập	94	40,8%
5	HS tự học môn Tin học mỗi tuần từ 30 phút đến 01 giờ	117	52,5%
6	Hiểu rõ yêu cầu, mục tiêu bài thực hành giúp HS làm bài tốt	127	57,0%

Thông tin ở bảng 2 cho thấy: HS chưa thực sự chủ động và độc lập trong việc tiếp thu kiến thức mới, đặc biệt là môn Tin học. Trong sáu nội dung khảo sát, chỉ có hai nội dung đạt trên 50,0% trong tổng số 223 HS thực hiện khảo sát. Điều đó cho thấy, tự học và phát triển NLTH cho HS lớp 10 qua môn học Tin học là rất cần thiết, cấp bách trong gian đoạn hiện nay. Vì chương trình giáo dục 2018 đặt ra cho người học phải đáp ứng nhiều năng lực, nhóm năng lực, hướng tới sự hoàn thiện phẩm chất, năng lực của người học.

4.1. Một số biện pháp đề xuất

a. Nhóm biện pháp dựa trên khảo sát ý kiến tổng hợp từ giáo viên và học sinh

Có hai hướng để phát triển NLTH đối với HS lớp 10, bao gồm:

(1) - Chỉ dựa vào nhóm KNTH trong quá trình học tập/thực hành môn Tin học thu được kết quả có sự tương đồng và khác biệt với (2);

(2) - Dựa vào cả KTTH và KNTH môn Tin học 10 làm yếu tố cốt lõi, quan trọng để phát triển NLTH cho HS. Điều này thể hiện qua biểu đồ số liệu như sau:

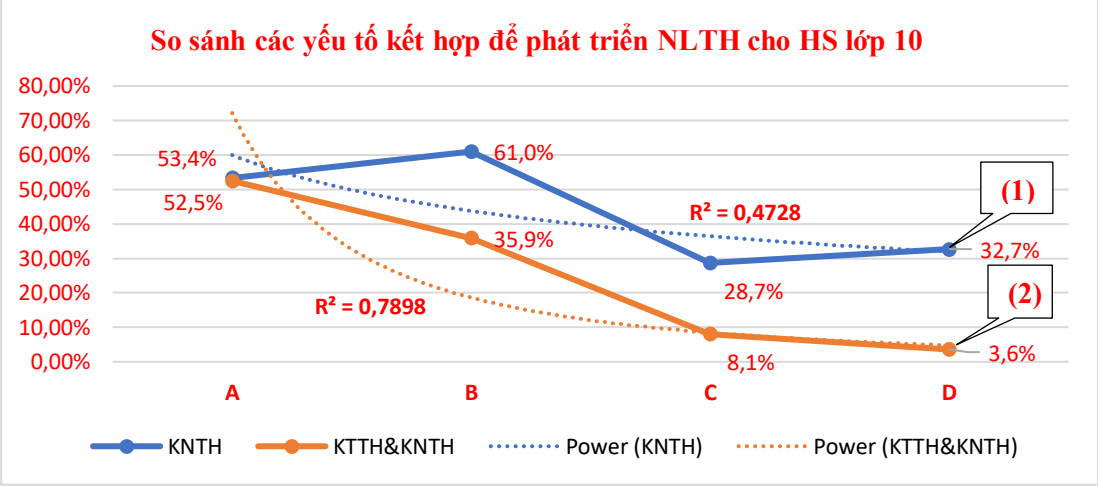

Hình 6. Số liệu về KNTH và kết hợp KTTH với KNTH để phát triển NLTH cho HS

Giải thích thông tin hình 6:

A. HS thực hành nhiều lần để thành thạo - yếu tố nền tảng;

B. HS tham vào các buổi thực hành dưới sự hỗ trợ từ GV, làm nhiều bài tập - thuận lợi;

C. HS tự học từ nguồn tài liệu và thông tin trên mạng - có thể gây nhầm lẫn;

D. HS học kinh nghiệm từ bạn bè, người thân/yếu tố phát triển NLTH - qua học hỏi

(1) - Chỉ có KNTH để phát triển NLTH thì chưa đầy đủ và chưa đúng với giả thuyết/định nghĩa của sự phát triển. Ở (1) có phát triển nhưng vẫn có sự tăng giảm đột biến chưa ổn định của các yếu tố (từ 32,7% giảm xuống còn 28,7% lại tăng lên 61,0% rồi lại giảm xuống 53,4%), mặc dù $R^2 = 0.4728$. "*Phát triển là sự tiến triển theo hình xoắn ốc, từ thấp tới cao cả số lượng và chất lượng…*".

(2) - Sự kết hợp giữa KTTH với KNTH để phát triển NLTH cho HS lớp 10 là cách làm có tính ổn định, phát triển bền vững từ thấp đến cao. Nghĩa là sự củng cố và thực hiện tốt KTTH là yếu tố hình thành tính cẩn thận cho HS để có được những KNTH sáng tạo. Kết hợp 2 yếu tố kỹ thuật và kỹ năng làm cho HS được phát triển NLTH toàn diện hơn và đi đúng với quy luật của sự phát triển.

Bên cạnh đó hầu hết GV đang giảng dạy môn Tin học tại Trường THPT Nguyễn Du đồng tình với những biện pháp của nhóm tác giả đề xuất, cụ thể như: Nên áp dụng phương pháp đưa ra các bài tập thực hành thực tế có tính ứng dụng cao để phát triển NLTH cho HS - chiếm tỷ lệ cao nhất 100%; tiếp đến là GV cho HS thực hành và báo cáo sản phẩm (như tự học - GV kiểm tra, đánh giá qua sản phẩm) giúp phát triển NLTH tốt nhất - đạt 66,7%.

Vì vậy, trong nội dung này chúng tôi có những đề xuất như sau:

***Đối với HS*:** cần thể hiện nhu cầu học tập của mình thông qua những yêu cầu trong KNTH, KTTH của môn học cụ thể; HS cần tự giác gia tăng thời lượng tự học, tự thực hành các yêu cầu trong khả năng và điều kiện có thể hỗ trợ cho hoạt động học tập. HS thực hành để

tạo ra những sản phẩm cụ thể trong yêu cầu bài tập theo lượng kiến thức của mỗi học kỳ… Bởi vì, kết hợp giữa KTTH và KNTH là tạo điều kiện thuận lợi để phát triển NLTH cho HS.

***Đối với GV*:** có 100% GV đề xuất áp dụng phương pháp giao bài tập thực hành thực tế, có tính ứng dụng cao để phát triển NLTH cho HS, bao gồm:

● *Tích hợp dự án học tập thực tế*: GV nên tích hợp các dự án học tập thực tế vào nội dung bài học, tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn.

● *Phát triển kỹ năng tự quản lý và lập kế hoạch*: GV cần hướng dẫn HS cách quản lý thời gian, lập kế hoạch học tập hiệu quả và HS tự đánh giá quá trình học tập của mình.

● *Ứng dụng phương pháp học qua làm*: GV khuyến khích, HS chủ động tham gia hoạt động học tập, tạo cơ hội để HS tự thực hành, trải nghiệm, khám phá kiến thức mới.

● *Áp dụng phương pháp học qua trải nghiệm thực tế*: GV tổ chức hoạt động ngoại khóa, tham quan dã ngoại phù hợp với chủ đề học tập, để HS tiếp cận kiến thức Tin học trong môi trường thực tế.

Động lực học tập của HS cấp THPT được hình thành, phát triển chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố: cá nhân HS, hoạt động học tập và môi trường học tập (Dung, 2022). Do đó, để khơi dậy, nuôi dưỡng thói quen tự học, niềm say mê học tập, tự học của HS, GV cần chủ động tạo ra môi trường học tập tích cực, kích thích sự hứng thú và khả năng chủ động tự học, khám phá cho HS lớp 10 nói riêng. GV cần thiết kế nội dung môn Tin học theo hướng tăng thực hành, giảm lý thuyết. Tăng cường thực hành, chính là chìa khóa để khơi dậy niềm yêu thích môn học, thôi thúc HS chủ động khám phá, từ đó hình thành và phát huy NLTH. Hơn thế nữa, thực hành giúp cho HS rèn luyện KNTH, KTTH môn Tin học, làm chủ kiến thức môn học, là yếu tố nền tảng giúp HS phát triển NLTH hiệu quả và tiệm cận đến mục tiêu giáo dục.

b. Đổi mới phương thức dạy và học môn Tin học 10.

Biện pháp này được 100% GV đồng tình, bên cạnh đó có các yếu tố: Tăng thời gian thực hành, giảm lý thuyết; Tổ chức các dự án nhóm để HS tự tìm hiểu và thực hành; Điều đó cho thấy, các biện pháp đề xuất đều được GV đánh giá cao về tính khả thi. Biện pháp này không chỉ giúp HS hiểu sâu kiến thức mà còn rèn luyện khả năng tự học qua việc giải quyết các tình huống thực tế. Đây là một biện pháp cần được áp dụng thường xuyên để HS tự giác học tập, từ đó nâng cao kỹ năng, khả năng tự học. Các biện pháp được nhóm nghiên cứu đề xuất đã cung cấp hướng đi rõ ràng và thiết thực để phát triển NLTH cho HS thông qua KTTH, KNTH môn Tin học. Các biện pháp đề xuất đáp ứng nhu cầu học tập hiện tại của HS, là nền tảng vững chắc để HS tự học hiệu quả hơn, thích nghi tốt hơn với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Bởi vì, cốt lõi của dạy học là cách mà GV truyền đạt kiến thức và thúc đẩy sự tiến bộ của người học ở mọi khía cạnh; GV là người truyền lửa đến với mỗi HS của mình trong mọi hoàn cảnh; Là cách mà GV truyền đạt cho người học những kinh nghiệm trong quá trình chiếm lĩnh tri thức; Và biến những tri thức đó thành phương tiện để cải thiện thực trạng, các hoạt động trong đời sống hàng ngày được thuận tiện hơn.

4.2. Thảo luận

KTTH và KNTH là hai yếu tố quan trọng giúp hình thành những tố chất khác biệt của người học. Trong nghiên cứu của Dexter (2018) đã chỉ ra hệ thống thực hành từ người quản lý, GV đến người học một cách rõ ràng, cốt lõi của hệ thống thực hành là để phát triển con người. Cũng như vậy, nghiên cứu của nhóm tác giả quan tâm và đề cao nội dung, phương thức thực hành đối với HS lớp 10 là yếu tố quan trọng mang tính quyết định đến tự học, khả năng tự học và NLTH được phát triển một cách tự nhiên – hiệu quả. Bên cạnh đó cần thảo luận đến

các yếu tố ảnh hưởng đến KTTH, KNTH và NLTH của HS để hướng đến những đề xuất, nghiên cứu làm khắc phục, lấp đầy những chỗ trống trong nghiên cứu.

Các yếu tố ảnh hưởng: Môi trường học tập tích cực, sự hướng dẫn kịp thời của GV, cơ sở vật chất đầy đủ, phù hợp đóng vai trò then chốt trong việc phát triển NLTH cho HS. Kết quả khảo sát cho thấy 100% GV đồng ý rằng kỹ thuật sử dụng phần mềm hỗ trợ học tập sẽ giúp HS tự học hiệu quả hơn. Tiếp theo là GV nhận thấy 66,7% HS lớp 10 có thể phân biệt được "kỹ năng thực hành" và "kỹ thuật trong thực hành". Điều đó cho thấy HS có ý thức trong học tập, có tự giác học tập mặc dù chưa cao, nhưng HS có thể cải thiện và khắc phục được khi đáp ứng tốt các yêu cầu môn Tin học. HS mong muốn được tham gia các buổi thực hành có sự hỗ trợ của GV chiếm 61,0% và được hướng dẫn kết hợp KTTH với KNTH chiếm 52,5%. Điều này cho thấy việc chú trọng rèn luyện kỹ năng và KTTH đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển NLTH của HS lớp 10. Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu môn học từng bước được hoàn thiện theo mục tiêu của chương trình giáo dục 2018 thì những đề xuất của GV trong mỗi bài tập cần cho HS sớm tiếp cận thực tiễn - ngữ liệu ngoài sách giáo khoa.

Những hạn chế của thực trạng: Bên cạnh những yếu tố tích cực, vẫn còn những hạn chế trong việc tạo lập môi trường học tập thuận lợi, đặc biệt là về cơ sở vật chất. Đây là một hạn chế cần được sự hỗ trợ từ nhà trường, xã hội hóa trong giáo dục… để khắc phục những khó khăn nhất định trong quá trình học tập, tự học của HS. Bên cạnh đó có 59,6% HS gặp trở ngại khi thực hành môn học, do khó nắm bắt và áp dụng kiến thức vào thực tế. Vì vậy, GV bổ sung các buổi học thực hành, cung cấp tài liệu học tập đơn giản, dễ tiếp cận, là rất cần thiết cho HS. Đồng thời, GV cần chủ động hướng dẫn HS cách sử dụng hiệu quả các phần mềm mô phỏng trên điện thoại, tận dụng phòng máy tính của trường để HS có thể thực hành ngoài giờ lên lớp. Tăng cường tổ chức các buổi thực hành Tin học tại phòng máy của trường, với sự hướng dẫn chi tiết của GV, giúp HS nâng cao kỹ năng sử dụng máy tính, đáp ứng tốt các KTTH và KNTH môn Tin học.

5. Hàm ý thực tiễn và nghiên cứu tiếp theo

5.1. Hàm ý thực tiễn

Đối với GV: Kết quả nghiên cứu cho thấy việc tổ chức hoạt động thực hành có định hướng, chú trọng cả KNTH và KTTH, là yếu tố quan trọng thúc đẩy HS hình thành NLTH. GV nên tăng cường thời lượng thực hành, thiết kế các bài tập mang tính mở, gần gũi với thực tiễn và khuyến khích HS tự tìm cách giải quyết. Ngoài ra, cần phân hóa nội dung và hỗ trợ kịp thời đối với những HS gặp khó khăn trong các thao tác kỹ thuật.

Đối với HS: Nghiên cứu giúp HS nhận thức rõ hơn vai trò của việc thực hành môn Tin học không chỉ để hoàn thành bài học, mà còn là cơ hội để rèn luyện tư duy độc lập, tự điều chỉnh kế hoạch học tập và nâng cao kỹ năng tự học. HS cần chủ động khai thác tài nguyên học ngoài lớp, thực hành thêm tại nhà và xây dựng thói quen tự học có chiến lược.

Đối với nhà trường và quản lý giáo dục: Việc phát triển NLTH thông qua thực hành Tin học đòi hỏi điều kiện cơ sở vật chất đầy đủ và môi trường học tập linh hoạt. Các nhà quản lý cần xem xét tăng cường thiết bị thực hành, bố trí hợp lý thời lượng thực hành và hỗ trợ GV xây dựng tài nguyên dạy học theo hướng phát triển năng lực. Đồng thời, cần có chính sách khuyến khích cho ngành sư phạm, chú trọng kỹ năng sử dụng công nghệ và tự học cho HS.

Về mặt học thuật: Nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực nghiệm cho việc khai thác mối quan hệ giữa KNTH và NLTH trong bối cảnh giáo dục phổ thông. Đây là nền tảng để phát triển các mô hình dạy học Tin học tích hợp kỹ năng số và NLTH, đồng thời mở ra hướng nghiên cứu sâu hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến NLTH ở các cấp học, vùng miền với những điều kiện học tập khác nhau.

5.2. Hướng nghiên cứu tiếp theo

Từ những kết quả nêu trên, nhóm nghiên cứu đề xuất các hướng mở rộng ở tương lai:

- Thực hiện nghiên cứu can thiệp thực nghiệm có đối chứng để đo tác động của KNTH và KTTH tới NLTH.
- Áp dụng các công cụ phân tích định lượng chuyên sâu (SPSS, kiểm định tương quan, hồi quy...) nhằm làm rõ hơn mối quan hệ giữa các yếu tố trong phát triển NLTH.
- Mở rộng quy mô khảo sát ở nhiều trường THPT thuộc các địa phương khác nhau để kiểm định tính khái quát của kết quả.
- Nghiên cứu vai trò điều tiết của GV trong quá trình tổ chức thực hành Tin học hướng đến hình thành NLTH.

6. Kết luận

Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa rất quan trọng trong hoạt động dạy học cũng như những đóng góp các biện pháp làm nâng cao hiệu quả và chất lượng dạy và học trong nhà trường. Bên cạnh việc dạy HS các KTTH, KNTH ở môn Tin học, GV còn giáo dục cho HS những đức tính cần thiết để phát huy NLTH không chỉ riêng ở môn Tin học. KTTH và KNTH là hai yếu tố quan trọng rèn luyện cho HS tính cẩn thận, kiên trì, tư duy logic, sáng tạo khi phải đối diện với yêu cầu của mỗi bài thực hành trong chương trình học, để tìm cách giải quyết, có phương pháp/cách thức thực hành phù hợp, kết quả thực hiện đúng. Sự thành thục trong thao tác thực hành của HS là nền tảng để HS tự tin, tự lực chiếm lĩnh kiến thức - phát triển năng lực, phẩm chất, vượt qua những hạn chế của bản thân và có thể thực hiện tốt các bài tập thực hành ở mức độ khó nhiều hơn. Tính tự giác, tự ý thức trong nhiệm vụ học tập là yếu tố tất yếu để phát triển NLTH của HS một cách tự nhiên, hiệu quả. Thực hành là nhóm việc tự HS phải làm - học qua làm, HS phải thao tác để thấy được ưu điểm/hạn chế của bản thân. Thực tế dạy học ở các trường THPT số tiết lý thuyết và thực hành chưa được xem xét đúng với bản chất và tầm quan trọng trong việc rèn các kỹ năng, nhóm kỹ năng cho HS. Vì vậy, tăng cường các yếu tố hỗ trợ HS học tập từ GV, nhà trường, trang thiết bị, thời lượng thực hành… để HS có được môi trường tương đối tốt nhằm phát huy phẩm chất cũng như NLTH thông qua kỹ năng, KTTH môn Tin học nói riêng đạt được hiệu quả như mong đợi là rất cần thiết.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Đồng Tháp, mã số: SPD2024.02.35.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Tin học, Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018*. Hà Nội.

Brenner, C. A. (2022). *Self-regulated learning practices foster students' metacognition, motivation and strategic action*. Smart Learning Environments, 9(1), Article 3. https://doi.org/10.1186/s40561-021-00184-5

Dexter, S. (2018). *The Role of Leadership for Information Technology in Education: Systems of Practices,* Second Handbook of Information Technology in Primary and Secondary Education, Springer International Handbooks of Education. Springer International Publishing AG, part of Springer Nature 2018 J. Voogt et al. (eds.), 485 - 495, https://doi.org/10.1007/978-3-319-71054-9_32

Dignath, C. & Sprenger, L. (2020). *Can You Only Diagnose What You Know? The Relation Between Teachers' Self-Regulation of Learning Concepts and Their Use of Student Self-Regulated Learning Strategies.* Frontiers in Education, 5, Article 585683. https://www.frontiersin.org/articles/10.3389/feduc.2020.585683/full

Dung, N. T. T. (2022). *Biện pháp của giáo viên tạo động lực học tập cho học sinh trung học phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 18(9), 61–67.

Hiền, B. (2001). *Từ điển Giáo dục học*. Hà Nội: NXB Từ điển Bách khoa.

Lập, T. Q. (2008). *Phát triển năng lực tự học trong hoàn cảnh Việt Nam*. Tạp chí khoa học, Trường Đại học Cần Thơ, (10), 169-177.

Long, N. N., & Vui, N. H. (2010). *Giáo trình triết học Mác – Lênin*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Long, P. T. - Chủ biên. (2022). *Bài tập Tin học 10*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.

Long, P. T. - Chủ biên. (2022). *Tin học 10.* Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.

McKenney, S. & Roblin, N.P. (2018). *Connecting Research and Practice: Teacher Inquiry and Design-Based Research.* Second Handbook of Information Technology in Primary and Secondary Education, Springer International Handbooks of Education. Springer International Publishing AG, part of Springer Nature 2018 J. Voogt et al. (eds.), 449 – 495, https://doi.org/10.1007/978-3-319-71054-9_30

Nghị, P. T. (2013). *Tâm lý học giáo dục*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.

Phê, H. (2020). *Từ điển Tiếng Việt.* Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng.

Thanasoulas, D. (2000). *What is learner autonomy and how can it be fostered?* The Internet TESL Journal, VI(11), November 2000.

Thu, T. N. M. (2008). *Phát triển xã hội – Một số quan điểm và kinh nghiệm từ châu Âu*. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, (1), 40–49. Truy cập từ https://scholar.dlu.edu.vn/thuvienso/handle/DLU123456789/18658

Yadav, A., Sands, P., Good, J., & Lishinki, A. (2018). *Computer Science and Computational Thinking in the Curriculum: Research and Practice*. Published by the registered company Springer International Publishing AG part of Springer Nature, 89 - 106.

PHỤ LỤC
BẢNG KHẢO SÁT HỌC SINH

Chúng tôi là sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp. Hiện nay đang nghiên cứu đề tài "Phát triển năng lực tự học cho học sinh lớp 10 Trường THPT Nguyễn Du thông qua các kỹ năng, kỹ thuật thực hành môn Tin học". Rất mong được các bạn hỗ trực thực hiện khảo sát một số thông tin, bằng cách chọ những ý mà bạn cho rằng là phù hợp nhất.

Cảm ơn sự hỗ trợ, đóng góp của các bạn, chúng tôi cam kết thông tin khảo sát chỉ phục vụ cho nghiên cứu, học tập, không sử dụng vào mục đích khác.

1. **Theo bạn năng lực tự học (NLTH) là gì?** (Có thể chọn nhiều đáp án)

A. NLTH là khả năng chủ động để tìm hiểu và tiếp thu kiến thức	35,0%
B. NLTH là khả năng chủ động để tìm hiểu và tiếp thu kiến thức mà không cần sự giúp đỡ chủ động từ người khác	34,1%
C. NLTH là năng lực không thể tách rời trong quá trình giáo dục	16,6%
D. NLTH là năng lực tự ý thức, tự giác trong học tập của HS nói chung, ý thức này được thực hiện một cách tự động, không cần sự nhắc nhỡ của ai khác.	90,1%

2. **Theo bạn NLTH quan trọng ở mức độ nào trong quá trình học tập** (Chọn nhiều đáp án)

A. Rất quan trọng trong quá trình học tập	66,8%
B. Quan trọng	40,8%
C. Ít quan trọng	0,9%
D. Trả lời khác, tùy vào nhận thức của mỗi HS	0,0%

3. **Theo bạn, khó khăn trong quá trình tự học là gì?** (Chọn nhiều đáp án)

A. Thiếu động lực	64,6%
B. Thiếu tài liệu phù hợp	33,2%
C. Không biết cách tổ chức thời gian	49,3%
D. Không hiểu rõ kiến thức	56,5%

4. **Theo bạn, NLTH đối với môn Tin học của mình ở mức nào?** (Chọn một đáp án)

A. Rất tốt, có thể tự học và hoàn thành bài tập một cách độc lập	11,7%
B. Tốt, nhưng vẫn cần một số hỗ trợ từ giáo viên hoặc bạn bè	61,0%
C. Trung bình, thường gặp khó khăn và cần nhiều sự hỗ trợ	25,1%
D. Yếu, cần hướng dẫn chi tiết và hỗ trợ liên tục từ giáo viên	2,2%

5. **Theo bạn, KNTH môn Tin học quan trọng như thế nào trong học tập môn Tin học và các môn học khác?** (Chọn một đáp án)

A. Rất quan trọng	32,3%
B. Quan trọng	57,4%
C. Ít quan trọng	2,2%
D. Bình thường	8,1%

6. **Bạn có thấy rằng kỹ năng thực hành giúp bạn hiểu bài học tốt hơn không?** (Chọn một đáp án)

A. Giúp ích rất nhiều trong việc học	68,6%
B. Có giúp ích nhưng chưa nhiều	22,9%
C. Bình thường như các môn học khác	8,1%
D. Không giúp ích	0,4%

Trích thông tin khảo sát thực trạng tại Trường THPT Nguyễn Du, Tp.SaĐéc, Đồng Tháp.
https://docs.google.com/forms/d/113-X7KTsYxglEGPR2An-Gya948lDCTDD-kT-TDgoo/edit